TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LAI VUNG** TỈNH ĐỒNG THÁP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37 /2020/DS-ST
Ngày: 29/7/2020
"V/v tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Huỳnh Thị Bích Huyền.

- ***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Ông: Đặng Thanh Cao;

2. Bà: Võ Thị Mỹ Duyên.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Cao Diễm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lai Vung.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung tham gia phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Cẩm Dang - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2020, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Lai Vung xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2020/TLST-DS, ngày 30/3/2020, về việc "Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2020/QĐST-DS ngày 25/6/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 498/2020/QĐST-DS, ngày 13/7/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Quang Kim N (Sang), Sinh năm 1968; Địa chỉ: xã T, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. (có mặt)

- *Bị đơn:* Trần Thanh B, sinh năm: 1967; Địa chỉ: xã L, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. (vắng mặt)

Nguyễn Thị K, sinh năm: 1967; Địa chỉ: xã T, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn bà Quang Kim N trình bày:

Vào ngày 17/01/2019 ông Trần Thanh B; bà Nguyễn Thị K có hỏi mượn bà Quang Kim N số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), có làm biên nhận, không tính lãi, mục đích vay để chăm sóc vườn, trong Giấy nhận nợ không có ghi thời hạn nhưng có thỏa thuận bằng lời nói cuối năm bán quýt trả tiền cho bà N,

nhưng bà N nhiều lần yêu cầu ông Bình, bà Khớm trả lại số tiền trên nhưng đến nay bà K, ông B chưa trả. Bà Quang Kim N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Trần Thanh B và Nguyễn Thị K trả cho Quang Kim N số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), lãi không yêu cầu.

Bị đơn ông Trần Thanh B, bà Nguyễn Thị K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án mà vẫn cố tình vắng mặt, không có lý do chính đáng. Cũng như không có văn bản ý kiến, phản bác gì yêu cầu của nguyên đơn.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung phát biểu quan điểm:

- Về phần thủ tục: Từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo trình tự tố tụng pháp luật.

- Về phần nội dung: Về đường lối giải quyết vụ án, Đại diện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp thực tế, đúng quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Quang Kim N khởi kiện yêu cầu ông Trần Thanh B, bà Nguyễn Thị K trả tiền nợ vay, đây là vụ án tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản. Các đương sự cư trú tại huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, cho nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của bị đơn ông Trần Thanh B, bà Nguyễn Thị K: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Thanh B, bà Nguyễn Thị K đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn ông Trần Thanh B, bà Nguyễn Thị K.

[2] Về nội dung vụ án:

Bà Quang Kim N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn Trần Thanh B, Nguyễn Thị K trả cho bà Quang Kim N số tiền vốn vay còn nợ là 50.000.000đ, không yêu cầu tiền lãi. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là Giấy nhận

nợ, ngày 17/01/2019, tại mục người nhận tiền có chữ ký tên và ghi họ tên Trần Thanh B, Khớm.

Xét qua lời trình bày và yêu cầu của đương sự, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn Trần Thanh B, Nguyễn Thị K không đến Tòa án tham gia tố tụng cũng như không có văn bản ý kiến phản bác gì yêu cầu của nguyên đơn, xem như bị đơn đã từ bỏ quyền phản bác của mình nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết, có đủ cơ sở để xác định ông Trần Thanh B, bà Nguyễn Thị K nợ tiền vay bà Quang Kim N 50.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Quang Kim N là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Các đương sự không yêu cầu xem xét tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp với khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Quang Kim N.

2. Buộc ông Trần Thanh B, bà Nguyễn Thị K trả cho bà Quang Kim N tiền vốn vay còn nợ là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong.

4. Về án phí, tạm ứng án phí:

- Ông Trần Thanh B, bà Nguyễn Thị K phải nộp 2.500.000 đồng (Hai triệu, năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Quang Kim N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Quang Kim N tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.250.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí, án phí Tòa án số 0000145, ngày 27/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

5. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (29/7/2020). Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND H.Lai Vung;
- CC THA-DS H.Lai Vung;
- Các đ/s;
- Lưu: HS (Q), AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Bích Huyền